

# MỘT VÀI KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC GIẢNG DẠY KỸ NĂNG GHI NHỚ THÔNG TIN BẰNG KÍ HIỆU TRONG NGHE THUẬT GIAI ĐOẠN TRUNG CẤP HSK 5

*Trần Trà My<sup>1</sup>*  
*Email: mytt@hanu.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.985

**Tóm tắt:** Trong thực tiễn giảng dạy kỹ năng nghe nói, năng lực ghi chép thông tin là yếu tố then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả học tập của sinh viên. Đặc biệt việc nghe thuật giai đoạn trung cấp tương đương HSK 5 sẽ là kỹ năng nền tảng cho phiên dịch nói tiếp sau này. Tuy nhiên, sinh viên khi đối diện với các văn bản dài, khó và phức tạp, phần lớn gặp khó khăn trong việc nhận diện thông tin trọng tâm, phương pháp ghi chép kém hiệu quả, hệ thống ký hiệu ghi chép chưa hoàn thiện, thiếu ổn định tâm lý trong môi trường áp lực cao. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thiếu nhận thức hệ thống về chiến lược ghi chép cũng như thiếu rèn luyện chuyên nghiệp. Bài viết đề xuất giải pháp ghi nhớ thông tin bằng ký hiệu để cải thiện đáng kể chất lượng bài thuật và xây đắp nền tảng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch thuật sau này.

**Từ khóa:** đầu vào - đầu ra, ký hiệu hóa, nghe - nhớ - tái hiện, trí nhớ ngắn hạn, vi kỹ năng nghe

## I. Đặt vấn đề

Nghe là một trong bốn kỹ năng cơ bản của ngôn ngữ, đồng thời là kênh tiếp nhận chủ yếu trong giao tiếp bằng lời. Trong giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Hán, nghe thường được đặt song song với nói: nghe tạo nền tảng phản ứng ngôn ngữ, còn nói kiểm chứng và củng cố đầu vào. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học hiện nay thường thiên về “nghe hiểu” đánh giá đúng sai hoặc nắm ý chính mà ít chú trọng đến khả năng ghi nhớ lâu dài.

Thực tế cho thấy, phần lớn thông tin nghe được sẽ nhanh chóng rơi khỏi trí nhớ ngắn hạn nếu không có cơ chế xử lý và lưu trữ phù hợp. Điều này đặc biệt rõ ở giai đoạn trung cấp, khi ngữ liệu đa dạng và phức tạp hơn, đòi hỏi người học không chỉ nghe hiểu mà còn phải nghe - nhớ - tái hiện. Một hướng tiếp cận hiệu quả là vận dụng kỹ năng ký hiệu hóa thông tin.

Ký hiệu ở đây được hiểu theo nghĩa rộng: chữ viết tắt, biểu tượng, sơ đồ, công thức, hình ảnh, thậm chí cử chỉ. Nhờ ký

<sup>1</sup> Trường Đại học Hà Nội

hiệu, dòng ngôn ngữ thoáng qua được “nén” thành đơn vị có cấu trúc, vừa giảm tải trí nhớ ngắn hạn, vừa tạo điểm tựa cho việc tái hiện.

Ví dụ, trong câu chuyện ngụ ngôn “鱼竿与鱼” (cần câu và cá)<sup>2</sup>, nếu chỉ ghi nhớ toàn bộ lời kể, người học dễ bị quá tải. Nhưng khi ký hiệu hóa bằng bàn tay - 鱼 (cá, lợi ích ngắn hạn), 竿 (cần câu, dài hạn), 分 (chia rẽ, thất bại), 合 (hợp tác, thành công), 幸福 (hạnh phúc, kết quả) - thì toàn bộ câu chuyện được nén thành năm ký hiệu, đủ để tái hiện lại mạch nội dung.

Bài viết này sẽ phân tích cơ sở lý luận, ứng dụng thực tiễn của việc giảng dạy rèn luyện kỹ năng ghi nhớ bằng ký hiệu trong nghe thuật, tập trung vào giai đoạn trung cấp tương đương với HSK5 của sinh viên năm thứ 2-3 của trường Đại học Hà Nội.

## II. Cơ sở lý luận

### 2.1. Lý thuyết học tập qua bắt chước

Theo quan điểm hành vi, năng lực ngôn ngữ chủ yếu hình thành qua bắt chước (imitation). Trong ngôn ngữ học ứng dụng, nghe và đọc là nhập liệu (input), còn nói và viết là xuất liệu (output). Người học muốn tái sản sinh ngôn ngữ cần có trải nghiệm nghe - hiểu, nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, thông tin dễ rơi khỏi trí nhớ ngắn hạn. Vì vậy, cần có một khâu trung gian: mã hóa và lưu trữ bằng ký hiệu.

Điều này có thể minh họa qua bài văn “加、减、乘、除” (Cộng trừ nhân chia). Văn bản gồm nhiều tầng: (i) hiện tượng - con người thường coi trọng “cộng” và “nhân” vì gắn với sự gia tăng tri thức, kinh nghiệm, tài sản; (ii) vấn đề - không

phải mọi sự tăng trưởng đều tích cực, như tuổi tác, cân nặng; (iii) lập luận chính - “giảm” là giải pháp quan trọng nhất để loại bỏ phiền não; (iv) minh chứng - tiết kiệm khi mua hàng, đầu tư khôn ngoan, cắt tóc, giảm cân, giản lược công việc, đơn giản hóa tài sản; (v) kết luận - biết “giảm” thì cuộc sống nhẹ nhàng, hạnh phúc hơn

Nếu người học chỉ cố gắng nhớ từng câu, khả năng lưu giữ rất hạn chế, bởi trí nhớ ngắn hạn chỉ chứa ít thông tin và nhanh chóng quên đi. Ngược lại, khi được hướng dẫn ký hiệu hóa, toàn bộ văn bản phức tạp có thể nén thành công thức ngắn gọn:

jia/cheng = le → jian = zhongyao  
→ ge fangmian “jian” → jian fudan → qingsong xingfu

Công thức này vừa giữ mạch lập luận, vừa biến thông tin tuyến tính thành cấu trúc biểu tượng dễ nhớ và dễ tái hiện. Nhờ đó, người học “bắt chước” không ở mức câu chữ mà ở mức cấu trúc tư duy.

Lý thuyết học tập qua bắt chước, khi mở rộng bằng ký hiệu hóa, đã vượt qua giới hạn của học thuộc lòng. Người học không cần ghi nhớ nguyên văn, mà nắm bắt khung ý tưởng, mã hóa bằng ký hiệu, rồi tái tạo ngôn ngữ từ “khung” này. Đây chính là hình thức bắt chước có chọn lọc - học cách mô phỏng tư duy thay vì sao chép.

Về mặt sư phạm, giáo viên có thể thiết kế hoạt động theo chuỗi:

- Nghe văn bản “加、减、乘、除” .
- Ghi nhanh ký hiệu chính: + - × ÷ 幸福.
- Dựa trên ký hiệu, tái hiện bằng lời kể hoặc viết đoạn nghị luận.

<sup>2</sup> Nội dung xem link khảo sát thực nghiệm phần phụ lục

Thông qua quy trình nghe - ký hiệu hóa - tái hiện, người học không chỉ rèn kỹ năng mà còn phát triển tư duy logic và năng lực diễn đạt mạch lạc.

## 2.2. Lý thuyết đầu vào - đầu ra

Trong lĩnh vực lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai, Krashen (1982) đưa ra giả thuyết đầu vào (Input Hypothesis), nhấn mạnh rằng tiếp thu chỉ diễn ra khi người học được cung cấp comprehensible input - ngôn ngữ hơi vượt trên trình độ hiện tại nhưng vẫn trong tầm hiểu nhờ ngữ cảnh. Swain (1985) chỉ ra hạn chế của cách tiếp cận này và đề xuất giả thuyết đầu ra (Output Hypothesis), khẳng định rằng việc sản sinh ngôn ngữ không chỉ phản ánh mà còn thúc đẩy tiếp thu. Khi nói và viết, người học buộc phải tập trung vào hình thức, phát hiện lỗ hổng và điều chỉnh chính xác hơn.

Trong dạy và học kỹ năng nghe, cần kết hợp cả input và output. Tuy nhiên, do đặc trưng của dòng âm thanh thoáng qua, nếu chỉ nghe rồi nói lại ngay, người học khó duy trì tính đầy đủ và logic. Lúc này, ký hiệu hóa có thể coi là một dạng đầu ra trung gian (intermediate output). Thay vì cố gắng nhớ toàn bộ lời nói, người học chuyển nhanh thông tin thành sơ đồ, công thức hoặc ký hiệu, sau đó tái hiện bằng ngôn ngữ.

Quy trình có thể khái quát:

Nghe (input) → Ký hiệu hóa (intermediate output) → Diễn đạt (output).

Ví dụ, khi nghe câu chuyện “鱼竿与鱼” (cần câu và cá), việc nhớ toàn văn là khó, nhưng nếu ký hiệu hóa thành chuỗi 鱼 - 竿 - 分 - 合 - 幸福, nội dung được nén lại trong trí nhớ, giúp tái hiện mạch lạc. Ký hiệu vì thế đóng vai trò như “bản nháp” của đầu ra, vừa giảm tải cho trí nhớ ngắn hạn, vừa đảm bảo tính logic.

Từ góc độ sư phạm, thiết kế hoạt động nghe nên yêu cầu người học ký hiệu hóa trước khi nói/viết, qua đó tăng tính chủ động, phát triển tư duy khái quát và nâng cao hiệu quả tiếp thu ngôn ngữ.

## 2.3. Lý thuyết vi kỹ năng và trí nhớ

Nghe không phải một hành vi đơn lẻ mà là tổ hợp nhiều vi kỹ năng (sub-skills): nhận diện âm thanh và ngữ điệu; phân tích, suy luận ngữ nghĩa; ghi nhớ ngắn hạn; suy đoán dựa vào ngữ cảnh; phản ứng nhanh; nghe - ghi chép đồng thời; mô phỏng, nhắc lại sau nghe; tổng hợp và khái quát thông tin. Trong đó, ghi nhớ giữ vai trò trung tâm, bởi nếu thông tin không lưu giữ đủ lâu, các kỹ năng tiếp theo như nói, viết, phản hồi sẽ khó thực hiện.

Theo tâm lý học nhận thức, trí nhớ ngắn hạn chỉ chứa được khoảng  $7 \pm 2$  đơn vị thông tin (Miller, 1956). Khi dòng âm thanh diễn ra liên tục, nếu không có kỹ thuật xử lý, phần lớn thông tin sẽ biến mất trong vài giây. Để khắc phục, người học thường dùng kỹ thuật chunking - gộp nhiều đơn vị nhỏ thành một đơn vị lớn có ý nghĩa.

Ký hiệu hóa là công cụ hiệu quả để thực hiện chunking. Thay vì cố nhớ từng câu chữ dài, người học chuyển thành ký hiệu đơn giản. Ví dụ, toàn bộ câu chuyện “鱼竿与鱼” có thể nén thành chuỗi năm ký hiệu: 鱼 - 竿 - 分 - 合 - 幸福. Mỗi ký hiệu là một “chunk” đại diện cho một phần nội dung, giúp văn bản dài trở nên dễ quản lý. Đồng thời, ký hiệu còn đóng vai trò như “móc neo” hỗ trợ gợi nhớ nhanh khi tái hiện.

Ở mức cao hơn, rèn luyện kỹ năng ký hiệu hóa còn giúp chuyển thông tin từ trí nhớ ngắn hạn sang trí nhớ dài hạn, nhờ đặc tính trực quan và hình tượng, tạo liên kết bền vững hơn so với chữ viết thuần túy. Vì vậy, trong giảng dạy nghe thuật,

việc rèn ghi nhớ bằng ký hiệu cần song hành với luyện nghe hiểu.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp phân tích - tổng hợp lý luận kết hợp minh chứng sự phạm. Trên cơ sở các lý thuyết trọng điểm trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng và tâm lý học nhận thức (học tập qua bắt chước, giả thuyết đầu vào - đầu ra, trí nhớ và vi kỹ năng nghe), nghiên cứu tiến hành:

Khảo sát và thực nghiệm trên nhóm điển hình (48 sinh viên) năm thứ 2 và 3 Đại học Hà Nội với trình độ trung cấp tương đương HSK5.

Phân tích tư liệu điển hình (các văn bản tiếng Hán như 鱼竿与鱼, 加减乘除) nhằm minh họa cơ chế chuyển đổi thông tin nghe thành ký hiệu.

Mô hình hóa quy trình sự phạm “Nghe - Ký hiệu hóa - Tái hiện” để

kiểm chứng tính khả thi trong giảng dạy trung cấp.

So sánh và tổng hợp giữa phương pháp ghi nhớ truyền thống và ký hiệu hóa, từ đó khẳng định vai trò của ký hiệu như một trung gian hiệu quả trong chuyển đổi từ đầu vào (input) sang đầu ra (output).

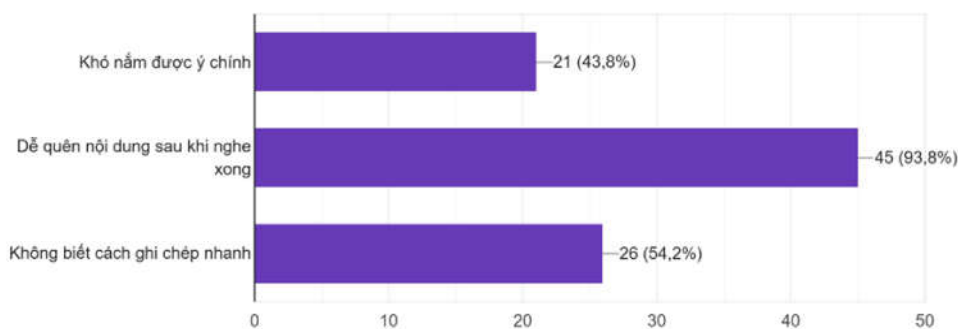
Các phương pháp này cho phép làm rõ giá trị lý luận và ứng dụng thực tiễn của kỹ năng ký hiệu hóa trong phát triển kỹ năng nghe - nhớ - tái hiện tiếng Hán.

### IV. Khảo sát thực nghiệm

#### 4.1. Khảo sát khó khăn thường gặp khi nghe thuật giải đoạn trung cấp tương đương HSK5

Kết quả khảo sát cho thấy, khi nghe một bài dài, khó khăn lớn nhất là dễ quên nội dung (93,8%), tiếp theo là không biết ghi chép nhanh (54,2%) và khó nắm ý chính (43,8%). Điều này chứng tỏ người học gặp hạn chế cả về ghi nhớ lẫn xử lý thông tin.

Khi nghe một bài nghe dài, bạn thường gặp khó khăn gì?  
48 câu trả lời

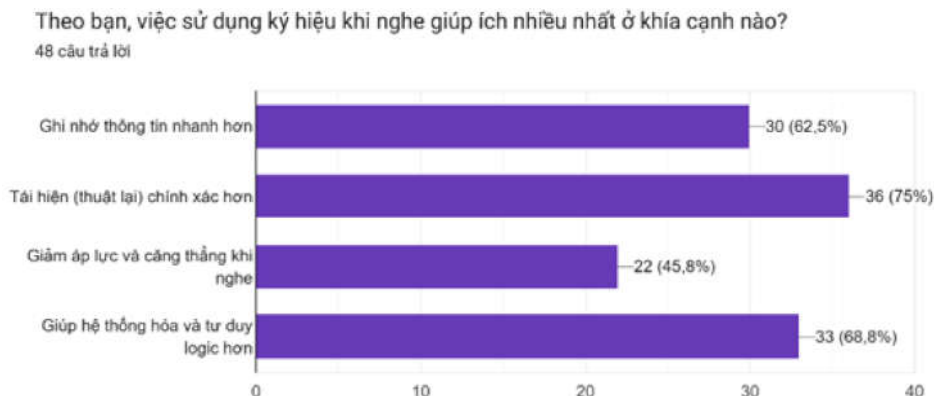


Hình 1. Biểu đồ thể hiện khó khăn thường gặp khi nghe thuật giải đoạn trung cấp tương đương HSK5

#### 4.2. Khảo sát tính cấp thiết của việc giảng dạy kỹ năng ghi nhớ thông tin bằng ký hiệu khi nghe thuật

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số người tham gia đều nhận thấy kỹ năng ký

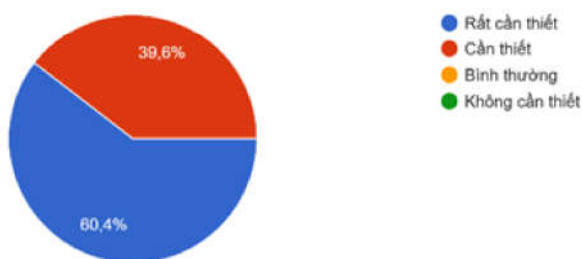
hiệu hóa mang lại nhiều lợi ích: tái hiện chính xác nội dung (75%), tư duy logic và hệ thống hóa thông tin (68,8%), ghi nhớ nhanh hơn (62,5%), và giảm áp lực khi nghe (45,8%).



Hình 2. Biểu đồ thể hiện tính cấp thiết của việc giảng dạy kỹ năng ghi nhớ thông tin bằng ký hiệu khi nghe thuật

Đặc biệt, khi được hỏi về mức độ cần thiết của việc giảng dạy kỹ năng này, 100% người học đều đánh giá “cần thiết” hoặc “rất cần thiết”. Như vậy, ký hiệu hóa không chỉ giúp cải thiện khả năng nghe - nói mà còn là một kỹ năng thiết yếu, được đông đảo học viên ủng hộ đưa vào giảng dạy.

Theo bạn, giảng dạy kỹ năng ký hiệu hóa trong giờ nghe – nói có cần thiết không?  
48 câu trả lời



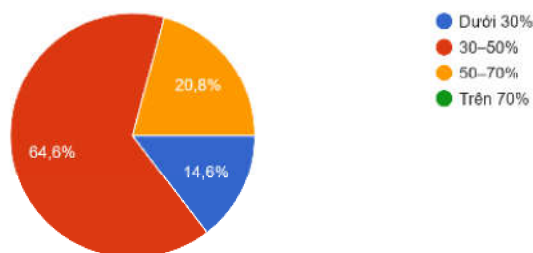
Hình 3. Biểu đồ thể hiện mức độ cần thiết của việc giảng dạy kỹ năng ký hiệu hóa trong giờ nghe

#### 4.3. Khảo sát thực nghiệm hiệu quả trong giảng dạy kỹ năng ghi nhớ thông tin bằng ký hiệu trong nghe thuật

Trong thực nghiệm 1 (nghe không dùng ký hiệu), đa số người học chỉ thuật lại được 50-70% nội dung (64,6%), 20,8% ở mức 30-50%, và 14,6% dưới 30%. Đáng chú ý, không ai đạt trên 70%, cho thấy việc ghi nhớ thiếu công cụ hỗ trợ còn nhiều hạn chế.

Trong phần thực nghiệm 1 (nghe không sử dụng ký hiệu), bạn ước tính mình thuật lại chính xác được bao nhiêu phần trăm nội dung?

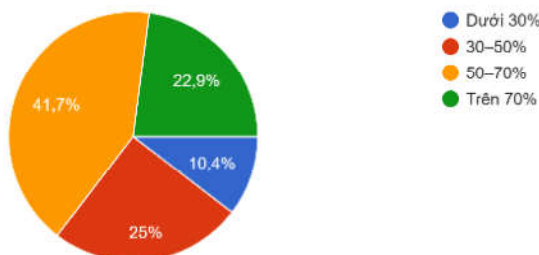
48 câu trả lời



Hình 4. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ chính xác trong phần thực nghiệm 1

Ngược lại, ở thực nghiệm 2 (nghe sau khi được hướng dẫn ký hiệu), kết quả cải thiện rõ rệt: 41,7% đạt 50-70%, và 22,9% vượt ngưỡng 70% - điều chưa từng xuất hiện ở thực nghiệm 1. Chỉ còn 10,4% dưới 30%, thấp hơn nhiều so với trước.

Trong phần thực nghiệm 2 (nghe sau khi được hướng dẫn ký hiệu), bạn ước tính thuật lại chính xác được bao nhiêu phần trăm nội dung?  
48 câu trả lời



Hình 5. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ chính xác trong phần thực nghiệm 2

## V. Nội dung và trọng điểm giảng dạy

### 5.1. Tích lũy tri thức và lưu trữ “thành phần kinh nghiệm”

Nghe hiểu, về bản chất, là quá trình xử lý tín hiệu ngôn ngữ dựa trên tri thức lưu trữ trong bộ nhớ dài hạn. Trí nhớ không phải hộp chứa rời rạc, mà là mạng lưới liên kết, nơi thông tin mới gắn vào “thành phần kinh nghiệm” sẵn có. Khi ngữ liệu được ký hiệu hóa, nó vượt khỏi mức âm thanh - ngữ nghĩa, trở thành một “mảnh ghép” cấu trúc để kết nối với hệ thống tri thức cũ.

Chẳng hạn, bài nghe “加减乘除” (cộng, trừ, nhân, chia) không chỉ truyền tải ngôn ngữ mà còn hàm chứa triết lý văn hóa. Nếu chỉ ghi nhớ từng câu, người học dễ quên nhanh. Nhưng khi ký hiệu hóa thành công thức: 工作 + 感情 - 健康 × 信用卡利息 ÷ 快乐 = 烦恼 → 减 = 幸福, toàn bộ nội dung được nén lại súc tích. Công thức này vừa giữ ý chính, vừa phản ánh tư duy khái quát của văn hóa Hán.

Như vậy, ký hiệu hóa giúp thông tin ngôn ngữ chuyển hóa thành tri thức văn hóa - tư duy, tạo điểm neo bền vững trong trí nhớ dài hạn và nâng cao hiệu quả tiếp thu.

### 5.2. Huấn luyện vi kỹ năng nghe - nhớ

Ở giai đoạn trung cấp, việc giảng dạy nghe không thể chỉ dừng ở mức “nghe hiểu”, mà cần chú trọng huấn luyện các vi kỹ năng liên quan trực tiếp đến ghi nhớ bằng ký hiệu. Cụ thể:

- Phân biệt từ khóa cần ký hiệu: người học phải nhận diện và trích xuất từ khóa làm “móc treo” thông tin, chẳng hạn 鱼 (cá), 竿 (cần câu), 幸福 (hạnh phúc) trong câu chuyện “鱼竿与鱼” (cần câu và cá).

- Mã hóa bằng ký hiệu: thay vì ghi lại toàn bộ lời nói, người học dùng sơ đồ, bảng biểu, cử chỉ (ví dụ bàn tay 5 ngón), hoặc biểu tượng hình học để lưu giữ thông tin.

- Tái hiện thông tin từ ký hiệu: sử dụng các ký hiệu làm dàn ý để kể lại câu chuyện, trình bày quan điểm, hoặc viết thành đoạn văn hoàn chỉnh.

Thông qua ba bước này, người học không chỉ ghi nhớ nội dung, mà còn phát triển khả năng tư duy khái quát, sắp xếp thông tin logic và diễn đạt mạch lạc hơn.

### 5.3. Quan hệ giữa nghe và ký hiệu trong ghi nhớ

Nghe là hoạt động tiếp nhận tuyến tính, diễn ra trong thời gian thực và thường

chỉ tồn tại trong trí nhớ ngắn hạn. Ký hiệu, ngược lại, là hình thức ngoại hóa thông tin, đóng vai trò như chiếc cầu nối giúp chuyển dữ liệu từ trí nhớ ngắn hạn sang trí nhớ dài hạn.

Nếu người học chỉ nghe mà không tiến hành ký hiệu hóa, thông tin rất dễ bị lãng quên. Ngược lại, khi thông tin được ký hiệu hóa, mỗi ký hiệu sẽ trở thành một “điểm neo” giúp duy trì và gợi nhớ.

Chẳng hạn, sau khi nghe câu chuyện “鱼竿与鱼”, người học có thể quên nhiều chi tiết về bối cảnh và diễn biến. Nhưng nếu họ ghi nhớ chuỗi ký hiệu 鱼 - 竿 - 分 - 合 - 幸福, thì chỉ cần nhắc lại các ký hiệu này, toàn bộ mạch truyện sẽ được tái hiện. Đây chính là minh chứng rõ ràng cho sự cần thiết của ký hiệu hóa trong dạy và học nghe.

#### **5.4. Chiến lược và phương pháp thiết kế bài giảng**

Để rèn luyện kỹ năng ghi nhớ thông tin bằng ký hiệu trong nghe thuật, việc thiết kế bài giảng cần chú trọng đến sự kết hợp giữa lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ và kỹ thuật ký hiệu hóa thông tin. Các chiến lược và phương pháp cụ thể có thể triển khai như sau:

##### **(1) Nghe khối lượng lớn kết hợp ký hiệu hóa**

Việc tiếp nhận một khối lượng ngữ liệu phong phú và đa dạng là điều kiện tiên quyết để nâng cao kỹ năng nghe. Tuy nhiên, thay vì yêu cầu người học ghi chép nguyên văn, giáo viên nên hướng dẫn sinh viên tóm tắt nội dung bằng 4-5 ký hiệu ngắn gọn. Chẳng hạn, với bài nghe “鱼竿与鱼”, thay vì ghi cả đoạn, sinh viên có thể ký hiệu thành chuỗi: 鱼 - 竿 - 分 - 合 - 幸福. Cách tiếp cận này vừa giúp giảm tải bộ nhớ ngắn hạn, vừa tăng khả năng khái quát hóa và liên kết thông tin.

##### **(2) Rèn tốc độ phản ứng qua ký hiệu**

Trong giao tiếp tự nhiên, dòng lời nói diễn ra nhanh chóng và liên tục. Việc ghi chép bằng chữ viết đầy đủ thường không theo kịp tốc độ. Do đó, sử dụng ký hiệu là giải pháp hiệu quả để xử lý thông tin tức thời. Ví dụ, khi nghe bài văn nghị luận “加减乘除”, sinh viên chỉ cần ghi nhanh các ký hiệu “+ - × ÷”, sau đó dựa trên đó phát triển lại toàn bộ lập luận. Điều này không chỉ giúp duy trì mạch nghe, mà còn tăng tính nhạy bén trong phản ứng.

##### **(3) Rèn độ chính xác thông qua từ khóa**

Ký hiệu hóa không có nghĩa là rút gọn tùy tiện, mà đòi hỏi chọn lọc chính xác từ khóa và yếu tố cốt lõi. Giáo viên cần huấn luyện sinh viên cách phân biệt đâu là thông tin trung tâm cần ký hiệu, đâu là chi tiết thứ yếu có thể bỏ qua. Ví dụ, trong câu chuyện “鱼竿与鱼”, từ khóa cần ghi nhớ là 鱼 (cá), 竿 (cần câu), 分 (chia rẽ), 合 (hợp tác), 幸福 (hạnh phúc). Việc xác định đúng trọng điểm giúp ký hiệu hóa vừa ngắn gọn vừa chính xác, tránh tình trạng ký hiệu sai lệch hoặc thiếu hụt thông tin quan trọng.

##### **(4) Rèn khả năng nắm ý chính bằng sơ đồ**

Một chiến lược quan trọng là hướng dẫn sinh viên biểu diễn cấu trúc thông tin dưới dạng sơ đồ hoặc mindmap. Chẳng hạn, khi nghe một bài giảng nghị luận, sinh viên có thể lập sơ đồ theo cấu trúc 现象 (hiện tượng) - 问题 (vấn đề) - 方法 (phương pháp) - 结论 (kết luận). Sơ đồ này không chỉ giúp nhớ lâu mà còn rèn luyện tư duy logic và khả năng tổ chức thông tin.



Hình 6. Sơ đồ rèn khả năng nắm ý chính

#### (5) Rèn diễn đạt dựa trên ký hiệu

Ký hiệu hóa không phải là mục đích cuối cùng, mà là bước trung gian để tái hiện thông tin bằng ngôn ngữ. Sau khi hoàn tất ký hiệu, sinh viên cần được yêu cầu sử dụng hệ thống ký hiệu như dàn ý để kể lại, thuyết trình hoặc viết đoạn văn. Nhờ vậy, ký hiệu trở thành “cầu nối” giữa đầu vào (nghe) và đầu ra (nói/viết), đảm bảo tính liền mạch và mạch lạc trong giao tiếp.

Tóm lại, những phương pháp trên biến ký hiệu hóa từ một kỹ thuật hỗ trợ thành một phần không thể thiếu của quy trình học tập: Nghe → Ký hiệu hóa → Tái hiện (nói/viết).

Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao khả năng ghi nhớ và xử lý thông tin trong quá trình nghe, mà còn phát triển năng lực tư duy, khả năng diễn đạt và năng lực giao tiếp toàn diện của người học.

#### 5.5. Luyện tập hội thoại và văn bản ngắn dựa trên ký hiệu

Trong luyện tập hội thoại, giáo viên có thể cho sinh viên nghe câu chuyện “鱼竿与鱼”, sau đó yêu cầu mỗi nhóm xây dựng ký hiệu hóa bằng tay hoặc sơ đồ. Dựa trên ký hiệu này, các nhóm tiến hành nhập vai, tranh luận hoặc thảo luận. Nhờ ký hiệu, sinh viên có thể nhớ ý chính, tổ chức thông tin và trao đổi mạch lạc.

Trong luyện tập văn bản ngắn, các ví dụ được khai thác theo thể loại khác nhau:

- “鱼竿与鱼” phù hợp với tự sự, khi sinh viên kể lại câu chuyện dựa vào chuỗi ký hiệu.

- “加减乘除” phù hợp với nghị luận, khi sinh viên lập sơ đồ công thức rồi phát triển thành một đoạn văn lập luận



Cách tiếp cận này tạo nên sự gắn kết giữa nghe - nhớ - ký hiệu - tái hiện, đồng thời phát huy khả năng sáng tạo và tư duy phản biện của người học.

## VI. Kết luận

Kỹ năng nghe trong giảng dạy ngoại ngữ không chỉ dừng lại ở mức nghe hiểu mà cần phát triển thành nghe - nhớ - tái hiện. Để đạt được mục tiêu này, kỹ năng ký hiệu hóa thông tin đóng vai trò then chốt.

Thông qua các ví dụ như “鱼竿与鱼” (cần câu và cá) và “加减乘除” (cộng trừ nhân chia), có thể thấy rằng ký hiệu hóa cho phép nén thông tin, tạo điểm neo trí nhớ và hỗ trợ quá trình tái hiện. Người học nhờ đó có thể duy trì thông tin lâu hơn, diễn đạt mạch lạc hơn.

Vì vậy, nguyên tắc “nghe để nhớ, nhớ bằng ký hiệu, và từ ký hiệu để nói/ viết” cần được coi là định hướng quan trọng trong thiết kế bài giảng nghe thuật ở giai đoạn trung cấp. Đây cũng là một trong những giải pháp hiệu quả để nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Hán của người học trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. 崔永华, & 杨寄洲. (2002). 汉语课堂教学技巧. 北京: 北京语言大学出版社.
- [2]. Ellis, R. (2003). *Task-based language learning and teaching*. Oxford: Oxford University Press.
- [3]. 高明霞. (2001). 论听、说内在联系及口语交际能力的培养 [Master's thesis]. 中国优秀硕士学位论文数据库.
- [4]. 龚亚夫, & 罗少茜. (2006). 任务型语言教学 (修订版). 北京: 人民教育出版社.
- [5]. 胡波. (2004). 谈在听力训练中抓主要信息能力的培育. 云南师范大学学报 (增刊).
- [6]. 胡波. (2007). 汉语听力课教学法. 北京: 北京语言大学出版社.
- [7]. Krashen, S. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Oxford: Pergamon Press.
- [8]. 刘颂浩. (2008). 汉语听力教学理论与方法. 北京: 北京大学出版社.
- [9]. 刘晓阳. (2006). 听说结合培养口语交际能力 [Master's thesis]. 中国优秀硕士学位论文数据库.
- [10]. Miller, G. A. (1956). The magical number seven, plus or minus two: Some limits on our capacity for processing information. *Psychological Review*, 63(2), 81-97. <https://doi.org/10.1037/h0043158>
- [11]. Swain, M. (1985). Communicative competence: Some roles of comprehensible input and comprehensible output in its development. In S. Gass & C. Madden (Eds.), *Input in second language acquisition* (pp. 235-253). Rowley, MA: Newbury House.
- [12]. Swain, M. (1993). The Output Hypothesis: Just speaking and writing aren't enough. *The Canadian Modern Language Review*, 50(1), 158-164.
- [13]. 杨惠元. (1996). 汉语听力说话教学法. 北京: 北京语言学院出版社.
- [14]. 杨惠元. (2007). 课堂教学理论与实践. 北京: 北京语言大学出版社.
- [15]. 张本楠. (2008). 中文听力教学法导论. 北京: 北京语言大学出版社.
- [16]. 张晋涛. (2005). 关联理论在对外汉语听力教学中的应用 [Master's thesis]. 中国优秀硕士学位论文数据库.
- [17]. 赵金铭. (2004). “说的汉语”与“看的汉语”. In 汉语口语与书面语教学. 北京: 北京大学出版社.
- [18]. 赵金铭 (主编). (2004). 对外汉语教学概论. 北京: 商务印书馆.
- [19]. 周健, 彭小川, & 张军. (2004). 汉语教学法研修教程. 北京: 人民教育出版社.

[20]. 周小兵, & 李海鸥 (主编). (2005). 对外汉语教学入门. 广州: 中山大学出版社.

[21]. 朱晓申, & 邓天中. (2007). 交互性外语教学: 理论与实践. 上海: 上海外语教育出版社.

## DEVELOPING SYMBOL-BASED MEMORIZATION SKILLS IN INTERMEDIATE-LEVEL HSK 5 RETELLING AFTER LISTENING: SOME TEACHING SUGGESTIONS

*Tran Tra My<sup>1</sup>*

**Abstract:** *In the practical teaching of listening-speaking skills, the ability to take notes is a crucial factor that directly influences the quality and effectiveness of students' learning outcomes. In particular, listening comprehension at the intermediate stage (HSK5) serves as a foundational skill for subsequent consecutive interpreting. However, when faced with long, complex, and cognitively demanding texts, most students struggle to identify key information, employ ineffective note-taking methods, rely on incomplete or inconsistent systems of symbolization, and lack psychological stability in high-pressure environments. The primary causes stem from a lack of systematic awareness of note-taking strategies and from insufficient professional training. This paper proposes applying symbolization-based memory strategies to significantly improve the quality of listening memory reproduction tasks and to lay a solid foundation for future interpreting practice.*

**Keywords:** *input-output, symbolization, listening-memory-reproduction, short-term memory, listening sub-skills*

---

<sup>1</sup> Hanoi University